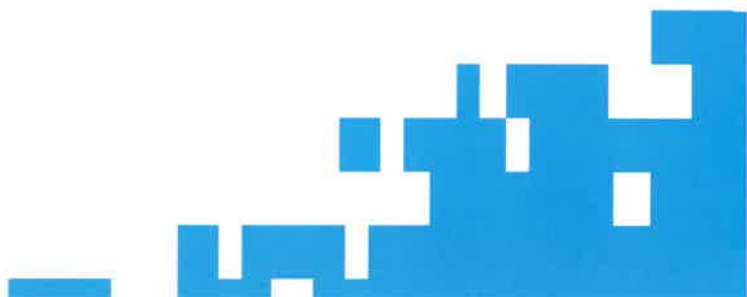


**CÔNG TY TNHH
HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01 tháng 04 năm 2025
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 23-24, Trung tâm Tài chính Riverfront, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng,
phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 23-24, Trung tâm Tài chính Riverfront, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Shiv Kumar Walia	Chủ tịch
Ông Goutam Rungta	Thành viên
Ông Sushant Jain	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Goutam Rungta	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Ngọc Linh	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 23-24, Trung tâm Tài chính Riverfront, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng,
phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Goutam Rungta
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 394/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Hội đồng thành viên
Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026



Lê Việt Hà
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4732-2024-026-1

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 23-24, Trung tâm Tài chính Riverfront, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng,
phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/04/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.930.029.944	33.857.598.115
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.637.431.115	6.041.122.953
1. Tiền	111	4.1	1.637.431.115	6.041.122.953
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.466.775.772	22.919.636.967
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	41.573.376.051	22.125.460.075
2. Phải thu ngắn hạn khác	136		30.086.000	834.961.445
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(136.686.279)	(40.784.553)
III. Hàng tồn kho	140	4.3	6.426.787.957	3.333.069.567
1. Hàng tồn kho	141		9.097.817.042	7.621.408.599
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.671.029.085)	(4.288.339.032)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.399.035.100	1.563.768.628
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		86.400.635	52.288.093
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.8	2.312.634.465	1.511.480.535
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.226.596.921	15.466.606.161
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.653.107.868	7.793.613.362
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.2	7.653.107.868	7.793.613.362
II. Tài sản cố định	220		4.044.544.066	5.413.663.454
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	4.044.544.066	5.413.663.454
Nguyên giá	222		12.333.471.373	12.016.995.373
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.288.927.307)	(6.603.331.919)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.528.944.987	2.259.329.345
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.5	1.528.944.987	2.259.329.345
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		65.156.626.865	49.324.204.276

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 23-24, Trung tâm Tài chính Riverfront, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng,
phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/04/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.506.739.534	36.671.220.800
I. Nợ ngắn hạn	310		50.315.088.866	36.488.832.709
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.6	4.715.889.231	17.439.725.619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.7	19.916.168.875	1.343.866.244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	4.035.951.595	3.154.522.496
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.9	18.194.549.153	11.731.771.932
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.10	3.452.530.012	2.818.946.418
II. Nợ dài hạn	330		191.650.668	182.388.091
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		191.650.668	182.388.091
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.649.887.331	12.652.983.476
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.11	14.649.887.331	12.652.983.476
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.144.500.000	1.144.500.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.505.387.331	11.508.483.476
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		11.508.483.476	7.697.513.637
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.996.903.855	3.810.969.839
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		65.156.626.865	49.324.204.276

Phê duyệt

Người lập



Goutam Rungta
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo
Phụ trách Kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 23-24, Trung tâm Tài chính Riverfront, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng,
phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	44.850.890.966	50.239.385.689
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	5.778.546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.850.890.966	50.233.607.143
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	43.230.557.172	42.109.095.704
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.620.333.794	8.124.511.439
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	727.842.676	1.254.691.403
7. Chi phí tài chính	22	5.4	540.913.858	2.227.271.482
Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	84.133.856
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	543.488.668	2.395.485.134
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.263.773.944	4.756.446.226
10. Thu nhập khác	31		1.597.294.996	232.163.998
11. Chi phí khác	32		76.519.530	11.635.086
12. Lợi nhuận khác	40		1.520.775.466	220.528.912
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.784.549.410	4.976.975.138
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	778.382.978	862.741.998
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		9.262.577	303.263.301
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.996.903.855	3.810.969.839

Phê duyệt**Người lập**

Goutam Rungta
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo
Phụ trách Kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 23-24; Trung tâm Tài chính Riverfront, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.784.549.410	4.976.975.138
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	1.685.595.388	2.258.235.744
Các khoản dự phòng	03	5.6	(1.521.408.221)	3.878.236.861
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.213.588)	275.809.850
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(1.576.792)	(9.143.903)
Chi phí lãi vay	06		-	84.133.856
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.944.946.197	11.464.247.546
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.285.283.673)	6.755.272.160
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.476.408.443)	(5.819.320.391)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.769.250.836	(23.988.580.828)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		696.271.816	1.439.616.272
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.206.272.541)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(737.569.363)	(385.892.197)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.088.792.630)	(11.740.929.979)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21		(316.476.000)	(834.522.638)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.576.792	9.143.903
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(314.899.208)	(825.378.735)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 23-24, Trung tâm Tài chính Riverfront, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng,
phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(6.196.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(6.196.500.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(4.403.691.838)	(18.762.808.714)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.041.122.953	24.803.931.667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	1.637.431.115	6.041.122.953

Phê duyệt

Người lập



Goutam Rungta
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo
Phụ trách Kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5438725492 ngày 16 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 02 năm 2020;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315017737 ngày 27 tháng 04 năm 2018 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 03 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 50.000 USD (tương đương 1.137.500.000 VND), được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/04/2025	
		Giá trị (USD)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (USD)	Tỷ lệ (%)
HCL Technologies UK Limited	Anh	50.000	100,00	50.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 23-24, Trung tâm Tài chính Riverfront, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4 (31/03/2025: 4).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy tính;
- Dịch vụ tư vấn phát triển và thực hiện phần mềm;
- Dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ cơ sở dữ liệu và dịch vụ truyền dẫn dữ liệu và tin;
- Dịch vụ máy tính khác;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng năm tài chính chuyển đổi 2025, kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá Bloomberg.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập theo hướng dẫn chính sách kế toán của Tập đoàn để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn chính sách kế toán của Tập đoàn để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho thiết bị, dụng cụ quản lý là 05 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là công cụ dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cung cấp dịch vụ và hỗ trợ bản quyền phần mềm.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cung cấp dịch vụ và hỗ trợ bản quyền phần mềm.

3.11. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.12. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.13. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi và chi phí dịch vụ mua ngoài (phí dịch vụ chuyên ngành,...).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu 0%
- Nội địa 10%

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.637.431.115	6.041.122.953

4.2. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
- Xem thêm Mục 6	1.637.534.525	4.638.466.407
Công ty TNHH Hitachi Energy Việt Nam	16.002.345.660	12.738.437.304
Các khách hàng khác (*)	23.933.495.866	4.748.556.364
Cộng	41.573.376.051	22.125.460.075

Dài hạn:

Công ty TNHH Hitachi Energy Việt Nam	5.015.865.833	7.706.028.821
Công ty TNHH Fonterra Brands (Việt Nam)	2.489.037.362	6.260.092
Các khách hàng khác	148.204.673	81.324.449
Cộng	7.653.107.868	7.793.613.362

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.3. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/04/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.274.543.190	-	2.734.582.147	-
Hàng hóa	5.823.273.852	(2.671.029.085)	4.886.826.452	(4.288.339.032)
Cộng	9.097.817.042	(2.671.029.085)	7.621.408.599	(4.288.339.032)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/04/2025	12.016.995.373
Mua trong năm	316.476.000
Tại ngày 31/12/2025	12.333.471.373
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/04/2025	6.603.331.919
Khấu hao trong năm	1.685.595.388
Tại ngày 31/12/2025	8.288.927.307
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/04/2025	5.413.663.454
Tại ngày 31/12/2025	4.044.544.066

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.372.492.195 VND.

4.5. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.528.944.987	2.259.329.345

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/04/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	278.531.578	278.531.578	16.283.798.662	16.283.798.662
Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Tin học T.T.C	1.914.192.000	1.914.192.000	-	-
Công ty TNHH FPT IS	1.271.174.360	1.271.174.360	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.251.991.293	1.251.991.293	1.155.926.957	1.155.926.957
Cộng	4.715.889.231	4.715.889.231	17.439.725.619	17.439.725.619

4.7. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/04/2025
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan - Xem thêm Mục 6	19.916.168.875	-
Các khách hàng khác	-	1.343.866.244
Cộng	19.916.168.875	1.343.866.244

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Số phát sinh VND	Số không được khấu trừ VND	Số đã khấu trừ VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.312.634.465	978.416.818	856.009.746	(1.033.272.634)	1.511.480.535
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Trong năm VND			Tại ngày 01/04/2025 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.889.282.380	(856.009.746)	(1.033.272.634)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	212.915.626	778.382.978	(737.569.363)	-	172.102.011
Thuế thu nhập cá nhân	4.079.729	4.623.933	-	(11.285.258)	10.741.054
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.818.956.240	850.869.487	(3.592.678)	-	2.971.679.431
Cộng	4.035.951.595	3.523.158.778	(1.597.171.787)	(1.044.557.892)	3.154.522.496

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Chi phí dịch vụ IT từ các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	14.301.950.852	9.090.509.183
Chi phí dịch vụ IT từ bên thứ ba	1.905.764.940	945.219.023
Chi phí phải trả khác	1.986.833.361	1.696.043.726
Cộng	18.194.549.153	11.731.771.932

4.10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Doanh thu nhận trước tiền cung cấp dịch vụ và hỗ trợ bản quyền phần mềm	3.452.530.012	2.818.946.418

4.11. Vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/04/2024	1.144.500.000	7.697.513.637	8.842.013.637
Lãi trong năm trước	-	3.810.969.839	3.810.969.839
Tại ngày 01/04/2025	1.144.500.000	11.508.483.476	12.652.983.476
Lãi trong năm nay	-	1.996.903.855	1.996.903.855
Tại ngày 31/12/2025	1.144.500.000	13.505.387.331	14.649.887.331

4.12. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/04/2025
Ngoại tệ các loại:		
USD	3.851,28	33.186,30



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.850.890.966	50.239.385.689
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	6.308.473.161	6.740.427.145

5.2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
Chi phí nhân công	1.041.276.198	1.721.089.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.639.045.355	2.258.235.744
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.617.309.947)	4.288.339.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.747.104.861	24.186.002.960
Chi phí khác	12.420.440.705	9.655.428.573
Cộng	43.230.557.172	42.109.095.704

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
Lãi tiền gửi	1.576.792	9.143.903
Lãi chênh lệch tỷ giá	724.052.296	1.245.547.500
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.213.588	-
Cộng	727.842.676	1.254.691.403

5.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
Chi phí lãi vay	-	84.133.856
Lỗ chênh lệch tỷ giá	540.913.858	1.867.327.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	275.809.850
Cộng	540.913.858	2.227.271.482

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 23-24, Trung tâm Tài chính Riverfront, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
Thuế, phí và lệ phí	82.206.348	1.487.740.003
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	95.901.726	(410.102.171)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	365.380.594	1.317.847.302
Chi phí dịch vụ chuyên ngành	283.189.732	1.131.229.343
Chi phí khác	82.190.862	186.617.959
Cộng	543.488.668	2.395.485.134

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
Chi phí nhân công	1.041.276.198	1.721.089.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.685.595.388	2.258.235.744
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(1.521.408.221)	3.878.236.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.194.691.803	26.991.590.265
Chi phí khác	12.373.890.672	9.655.428.573
Cộng	43.774.045.840	44.504.580.838

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	2.784.549.410	4.976.975.138
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	(157.298.735)	(1.243.353.339)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	2.627.250.675	3.733.621.799
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	525.450.135	746.724.360
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	252.932.843	116.017.638
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	778.382.978	862.741.998

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|-----------------------------------|
| 1. HCL Technologies Limited | Công ty mẹ sau cùng |
| 2. HCL Technologies UK Limited | Công ty mẹ |
| 3. Các công ty thành viên trong cùng Tập đoàn HCL | Công ty thành viên thuộc Tập đoàn |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/04/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
HCL Technologies Corporate Services Limited	1.528.264.881	3.616.993.197
HCL Argentina S.A	34.623.567	50.545.353
HCL Technologies Germany GmbH	25.310.164	-
HCL Technologies Angola (SU) Lda.	49.335.913	49.335.913
Các bên liên quan khác	-	921.591.944
Cộng - Xem thêm Mục 4.2	1.637.534.525	4.638.466.407
Phải trả người bán ngắn hạn:		
HCLT Russia Branch	(278.531.578)	(262.266.571)
Các bên liên quan khác	-	(16.021.532.091)
Cộng - Xem thêm Mục 4.6	(278.531.578)	(16.283.798.662)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- Xem thêm Mục 4.7		
HCL Technologies Limited	(19.916.168.875)	-
Chi phí phải trả ngắn hạn:		
HCL Technologies Corporate Services Limited	(10.642.283.875)	(5.727.373.993)
HCL Technologies Limited	(3.558.394.443)	(3.363.135.190)
HCL Singapore Pte Ltd.	(101.272.534)	-
Cộng - Xem thêm Mục 4.9	(14.301.950.852)	(9.090.509.183)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 23-24, Trung tâm Tài chính Riverfront, 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
Cung cấp dịch vụ:		
HCL Technologies Corporate Services Limited	6.151.942.096	5.538.408.470
HCL Technologies Limited	89.089.009	988.452.735
Các bên liên quan khác	67.442.056	213.565.940
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	6.308.473.161	6.740.427.145
Mua dịch vụ:		
HCL Technologies Corporate Services Limited	18.537.250.719	21.962.055.183
HCL Technologies Limited	7.593.318.411	8.004.952.593
Các bên liên quan khác	117.806.930	(14.305.229)
Cộng	26.248.376.060	29.952.702.547

7. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Những thông tin năm trước trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tương ứng số liệu của báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2024 đến ngày 31 tháng 03 năm 2025. Do đó, các số liệu này không có tính so sánh.

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt

Goutam Rungta
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thảo
Phụ trách Kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026